TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2019/DS-ST
Ngày: 24-12-2019.
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Hai.

2. Bà Quang Kim Cúc.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 198/2019/TLST-DS, ngày 2/8/2019, "V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-DS ngày 6/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 703/2019/QĐXXST-DS ngày 27/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quang Thị Hồng D, sinh năm 1983. Địa chỉ: 463, khóm P, thị trấn A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Đỗ Quốc H, sinh năm: 1986. Địa chỉ: 408/TH, ấp T, xã T1, huyện L, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Sơn K, sinh năm 1986. Địa chỉ: 825B/5, ấp B, xã V, huyện L, Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 4/7/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/7/2019, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 24/9/2019, bản tự khai ngày 24/9/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp và tại phiên tòa nguyên đơn chị Quang Thị Hồng D trình bày:

Vào ngày 20/02/2019 chị cho anh Đỗ Quốc H vay số tiền 500.000.000đ

(năm trăm triệu đồng), lãi suất 3,5%/tháng, anh H đóng lãi cho chị 52.500.000đ.

Đến ngày 15/4/2019 chị tiếp tục cho anh H vay 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), lãi suất 6%/tháng, anh H đóng lãi cho chị được 7.325.000đ.

Ngày 22/4/2019 chị cho anh H vay tiếp 450.000.000đ, lãi suất 6%/tháng, không có biên nhận, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, anh H đóng lãi cho chị 14.750.000đ.

Đến ngày 02/5/2019 chị cho anh H vay 100.000.000đ, lãi suất 6%/tháng, không có biên nhận, mục đích vay để đóng lãi Ngân hàng, đến nay anh H không có đóng lãi.

Ngày 30/5/2019 chị tiếp tục cho anh H vay 100.000.000đ, không lãi suất. Sau đó chị và anh H cộng lại tổng số tiền anh H vay của chị là 1.650.000.000đ, anh H đồng ý viết biên nhận, có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ chị tổng cộng là 1.650.000.000đ. Đến ngày 30/7/2019 anh H có trả chị 100.000.000đ, còn lại 1.550.000.000đ đến nay chưa trả. Nay chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả cho chị vốn 1.550.000.000đ, không yêu cầu lãi, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Trong các đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung chị có yêu cầu Nguyễn Thị Sơn K (vợ anh H) liên đới cùng anh H trả cho chị số tiền 1.550.000.000đ, đến ngày 24/9/2019, chị không yêu cầu chị K liên đới cùng anh H trả nợ cho chị.

Tại phiên tòa, anh Đỗ Quốc H trình bày: anh thừa nhận hiện nay còn nợ chị D tổng cộng 1.550.000.000đ đến nay chưa trả. Nay anh đồng ý trả số tiền trên cho chị D, ngoài ra không trình bày gì thêm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Sơn K có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng cố tình vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến: Chị là vợ của anh H, chị không biết việc anh H vay tiền của chị D nên chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H trả vốn 1.550.000.000đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị Sơn K có nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn cùng đồng ý.

[2] Về nội dung vụ án:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu của chị Quang Thị Hồng D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đỗ Quốc H trả vốn vay 1.550.000.000đ, không yêu cầu tính lãi và tại phiên tòa anh Đỗ Quốc H đồng ý trả cho chị D số tiền 1.550.000.000đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: "1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác ".

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Sơn K, kể từ khi thụ lý vụ án đến nay Toà án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, chị K có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án vẫn cố tình vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến: chị không biết việc anh H vay tiền của chị D nên chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị D. Đồng thời, trong đơn khởi kiện chị D yêu cầu anh H và chị Sơn K liên đới trả 1.650.000.000đ nhưng tại phiên tòa chị D rút lại yêu cầu này chỉ yêu cầu anh H có trách nhiệm trả số tiền 1.550.000.000đ cho chị, không yêu cầu chị Sơn K liên đới trả nợ cho chị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và đình chỉ yêu cầu này.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của chị D nên anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 212; Điều 213; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 246; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Anh Đỗ Quốc H đồng ý có nghĩa vụ trả cho chị Quang Thị Hồng D 1.550.000.000đ (một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Quang Thị Hồng D yêu cầu chị Nguyễn Thị Sơn K có trách nhiệm liên đới cùng anh Đỗ Quốc H trả số tiền 1.650.000.000đ.

3. Về án phí, tạm ứng án phí:

Anh Đỗ Quốc H tự nguyện chịu 58.500.000đ (năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Quang Thị Hồng D 30.750.000đ (ba mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo biên lai số 0001709, ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (24/12/2019). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời gian kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.